

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp chứng chỉ cho học viên Khóa học Nghiệp vụ đấu thầu và đấu thầu qua mạng K22.01

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục Đại học;

Căn cứ Nghị định 60/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 751/QĐ-TTg ngày 02/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của trường Đại học Ngoại thương giai đoạn 2015-2017;

Căn cứ Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 09/11/2017 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1419/QĐ-ĐHNT ngày 12/06/2019 của Hiệu trưởng trường Đại học Ngoại thương về việc ban hành Quy định về quản lý văn bản, chứng chỉ;

Xét đề nghị của Phòng Quản lý Dự án;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng HC-TH.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp chứng chỉ cho 45 học viên đã hoàn thành khoá học Nghiệp vụ đấu thầu và đấu thầu qua mạng K22.01 được tổ chức từ ngày 15/09/2022 đến ngày 23/09/2022 (Danh sách Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Giao cho Phòng Quản lý Dự án chịu trách nhiệm tổ chức in, quản lý và cấp phát chứng chỉ cho học viên theo quy định hiện hành.

Điều 3. Trưởng Phòng HC-TH, Trưởng Phòng KH-TC, Trưởng Phòng QLDA, trưởng các đơn vị có liên quan và các cá nhân có tên trong danh sách kèm theo chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, HC-TH. ^{n₆}



HIỆU TRƯỞNG th

PGS.TS Bùi Anh Tuấn

PHỤ LỤC
DANH SÁCH HỌC VIÊN ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO ĐẦU THẦU CƠ BẢN
ĐỐI VỚI LỰA CHỌN NHÀ THẦU K22.01
 (Kèm theo Quyết định số: 2908 /QĐ-ĐHNT ngày 04 tháng 10 năm 2022)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Số vào sổ cấp chứng chỉ
1	Nguyễn Thị Phượng	21/07/1982	Hà Nam	1a/2908/QĐ-ĐHNT
2	Đào Thị Thùy Hương	28/01/1991	Hà Nội	2a/2908/QĐ-ĐHNT
3	Nguyễn Cao Viên	12/04/1977	Thanh Hóa	3a/2908/QĐ-ĐHNT
4	Phạm Ngọc Anh	08/10/1991	Thanh Hóa	4a/2908/QĐ-ĐHNT
5	Nguyễn Thành Đạt	07/09/1995	Hà Nội	5a/2908/QĐ-ĐHNT
6	Nguyễn Tùng Long	16/10/1999	Hải Phòng	6a/2908/QĐ-ĐHNT
7	Trương Thùy Trang	14/01/1991	Hà Nội	7a/2908/QĐ-ĐHNT
8	Đào Đình Nam	17/01/1987	Hải Dương	8a/2908/QĐ-ĐHNT
9	Huỳnh Long	03/11/1990	Hải Dương	9a/2908/QĐ-ĐHNT
10	Cao Xuân Huy	15/07/1988	Nam Định	10a/2908/QĐ-ĐHNT
11	Nguyễn Thùy Anh	12/11/1990	Hà Nội	11a/2908/QĐ-ĐHNT
12	Cù Thị Ái Lê	31/03/1994	Hà Tĩnh	12a/2908/QĐ-ĐHNT
13	Lương Thị Đài Trang	04/03/1998	Thái Nguyên	13a/2908/QĐ-ĐHNT
14	Nguyễn Văn Tuấn	26/09/1971	Quảng Ninh	14a/2908/QĐ-ĐHNT
15	Nguyễn Thị Kim Ngân	14/10/1993	Quảng Ninh	15a/2908/QĐ-ĐHNT
16	Bùi Thị Phương	15/08/1997	Yên Bái	16a/2908/QĐ-ĐHNT
17	Nguyễn Thị Việt Hoa	08/05/1974	Hà Nội	17a/2908/QĐ-ĐHNT
18	Vũ Thị Minh Ngọc	24/10/1980	Hải Phòng	18a/2908/QĐ-ĐHNT
19	Nguyễn Thị Tùng Lâm	12/09/1975	Hà Nội	19a/2908/QĐ-ĐHNT
20	Tô Thị Hải Yến	01/10/1974	Hà Nội	20a/2908/QĐ-ĐHNT
21	Nguyễn Văn Minh	04/01/1981	Phú Thọ	21a/2908/QĐ-ĐHNT
22	Lê Thanh Nguyệt	06/11/1976	Nghệ An	22a/2908/QĐ-ĐHNT
23	Từ Thúy Anh	21/06/1973	Hải Dương	23a/2908/QĐ-ĐHNT
24	Chu Thị Mai Phương	25/09/1984	Hà Nội	24a/2908/QĐ-ĐHNT
25	Phạm Trần Hải Nga	01/04/1990	Hải Phòng	25a/2908/QĐ-ĐHNT
26	Nguyễn Quang Huy	09/01/1984	Hà Nội	26a/2908/QĐ-ĐHNT
27	Võ Xuân Lộc	26/07/1987	Nghệ An	27a/2908/QĐ-ĐHNT
28	Vũ Thị Thu Hồng	13/12/1982	Thanh Hóa	28a/2908/QĐ-ĐHNT
29	Trịnh Hương Giang	27/11/1997	Nam Định	29a/2908/QĐ-ĐHNT
30	Trần Tiến Hải	15/05/1973	Hà Nội	30a/2908/QĐ-ĐHNT
31	Vũ Hoàng Nam	29/08/1977	Hưng Yên	31a/2908/QĐ-ĐHNT
32	Nguyễn Thị Thanh Tâm	09/12/1978	Hà Nam	32a/2908/QĐ-ĐHNT

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Số vào sổ cấp chứng chỉ
33	Nguyễn Thảo My	23/04/1993	Quảng Trị	33a/2908/QĐ-ĐHNT
34	Lê Thanh Thủy Dương	11/09/1981	Hải Phòng	34a/2908/QĐ-ĐHNT
35	Hoàng Hải	03/09/1981	Ninh Bình	35a/2908/QĐ-ĐHNT
36	Ngô Thị Hà	27/02/1975	Hải Phòng	36a/2908/QĐ-ĐHNT
37	Trần Thị Hương Ly	22/06/1984	Nam Định	37a/2908/QĐ-ĐHNT
38	Hoàng Anh Đức	23/01/1981	Hà Nội	38a/2908/QĐ-ĐHNT
39	Vũ Quốc Lễ	11/09/1986	Hà Nội	39a/2908/QĐ-ĐHNT
40	Đỗ Thị Tuyết Vân	27/08/1988	Hà Nội	40a/2908/QĐ-ĐHNT
41	Đoàn Ngọc Cảnh	21/09/1997	Vĩnh Phúc	41a/2908/QĐ-ĐHNT
42	Trần Hòa Bình	27/11/1993	Nam Định	42a/2908/QĐ-ĐHNT
43	Nguyễn Văn Tông	25/11/1988	Bắc Giang	43a/2908/QĐ-ĐHNT
44	Hà Thúy Huyền	05/05/1977	Lạng Sơn	44a/2908/QĐ-ĐHNT
45	Lê Minh Hòa	10/06/1990	Hà Nội	45a/2908/QĐ-ĐHNT

(Danh sách gồm 45 người)

DANH SÁCH HỌC VIÊN ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐẦU THẦU QUA MẠNG K22.01
 (Kèm theo Quyết định số 2908/QĐ-ĐHNT ngày 04 tháng 10 năm 2022)

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Số vào sổ cấp chứng chỉ
1	Nguyễn Thị Phương	21/07/1982	Hà Nam	1b/2908/QĐ-ĐHNT
2	Đào Thị Thùy Hương	28/01/1991	Hà Nội	2b/2908/QĐ-ĐHNT
3	Nguyễn Cao Viên	12/04/1977	Thanh Hóa	3b/2908/QĐ-ĐHNT
4	Phạm Ngọc Anh	08/10/1991	Thanh Hóa	4b/2908/QĐ-ĐHNT
5	Nguyễn Thành Đạt	07/09/1995	Hà Nội	5b/2908/QĐ-ĐHNT
6	Nguyễn Tùng Long	16/10/1999	Hải Phòng	6b/2908/QĐ-ĐHNT
7	Trương Thùy Trang	14/01/1991	Hà Nội	7b/2908/QĐ-ĐHNT
8	Đào Đình Nam	17/01/1987	Hải Dương	8b/2908/QĐ-ĐHNT
9	Huỳnh Long	03/11/1990	Hải Dương	9b/2908/QĐ-ĐHNT
10	Cao Xuân Huy	15/07/1988	Nam Định	10b/2908/QĐ-ĐHNT
11	Nguyễn Thùy Anh	12/11/1990	Hà Nội	11b/2908/QĐ-ĐHNT
12	Cù Thị Ái Lê	31/03/1994	Hà Tĩnh	12b/2908/QĐ-ĐHNT
13	Lương Thị Đài Trang	04/03/1998	Thái Nguyên	13b/2908/QĐ-ĐHNT
14	Nguyễn Văn Tuấn	26/09/1971	Quảng Ninh	14b/2908/QĐ-ĐHNT
15	Nguyễn Thị Kim Ngân	14/10/1993	Quảng Ninh	15b/2908/QĐ-ĐHNT
16	Bùi Thị Phương	15/08/1997	Yên Bái	16b/2908/QĐ-ĐHNT
17	Nguyễn Thị Việt Hoa	08/05/1974	Hà Nội	17b/2908/QĐ-ĐHNT
18	Vũ Thị Minh Ngọc	24/10/1980	Hải Phòng	18b/2908/QĐ-ĐHNT
19	Nguyễn Thị Tùng Lâm	12/09/1975	Hà Nội	19b/2908/QĐ-ĐHNT
20	Tô Thị Hải Yến	01/10/1974	Hà Nội	20b/2908/QĐ-ĐHNT
21	Nguyễn Văn Minh	04/01/1981	Phú Thọ	21b/2908/QĐ-ĐHNT
22	Lê Thanh Nguyệt	06/11/1976	Nghệ An	22b/2908/QĐ-ĐHNT
23	Từ Thúy Anh	21/06/1973	Hải Dương	23b/2908/QĐ-ĐHNT
24	Chu Thị Mai Phương	25/09/1984	Hà Nội	24b/2908/QĐ-ĐHNT
25	Phạm Trần Hải Nga	01/04/1990	Hải Phòng	25b/2908/QĐ-ĐHNT
26	Nguyễn Quang Huy	09/01/1984	Hà Nội	26b/2908/QĐ-ĐHNT
27	Võ Xuân Lộc	26/07/1987	Nghệ An	27b/2908/QĐ-ĐHNT
28	Vũ Thị Thu Hồng	13/12/1982	Thanh Hóa	28b/2908/QĐ-ĐHNT
29	Trịnh Hương Giang	27/11/1997	Nam Định	29b/2908/QĐ-ĐHNT
30	Trần Tiến Hải	15/05/1973	Hà Nội	30b/2908/QĐ-ĐHNT
31	Vũ Hoàng Nam	29/08/1977	Hưng Yên	31b/2908/QĐ-ĐHNT
32	Nguyễn Thị Thanh Tâm	09/12/1978	Hà Nam	32b/2908/QĐ-ĐHNT

33	Nguyễn Thảo My	23/04/1993	Quảng Trị	33b/2908/QĐ-ĐHNT
34	Lê Thanh Thùy Dương	11/09/1981	Hải Phòng	34b/2908/QĐ-ĐHNT
35	Hoàng Hải	03/09/1981	Ninh Bình	35b/2908/QĐ-ĐHNT
36	Ngô Thị Hà	27/02/1975	Hải Phòng	36b/2908/QĐ-ĐHNT
37	Trần Thị Hương Ly	22/06/1984	Nam Định	37b/2908/QĐ-ĐHNT
38	Hoàng Anh Đức	23/01/1981	Hà Nội	38b/2908/QĐ-ĐHNT
39	Vũ Quốc Lễ	11/09/1986	Hà Nội	39b/2908/QĐ-ĐHNT
40	Đỗ Thị Tuyết Vân	27/08/1988	Hà Nội	40b/2908/QĐ-ĐHNT
41	Đoàn Ngọc Cảnh	21/09/1997	Vĩnh Phúc	41b/2908/QĐ-ĐHNT
42	Trần Hòa Bình	27/11/1993	Nam Định	42b/2908/QĐ-ĐHNT
43	Nguyễn Văn Tòng	25/11/1988	Bắc Giang	43b/2908/QĐ-ĐHNT
44	Hà Thúy Huyền	05/05/1977	Lạng Sơn	44b/2908/QĐ-ĐHNT
45	Lê Minh Hòa	10/06/1990	Hà Nội	45b/2908/QĐ-ĐHNT

(Danh sách gồm 45 người)